



# VIỆT NAM NHẬP KHẨU GỖ NGUYÊN LIỆU TỪ VÙNG ĐỊA LÝ TÍCH CỰC VÀ KHÔNG TÍCH CỰC CẬP NHẬT ĐẾN HẾT THÁNG 7 NĂM 2023

Tô Xuân Phúc & Nguyễn Vinh Quang (Forest Trends)

Cao Thị Cẩm (VIFOREST)

Trần Lê Huy (FPA Bình Định)



Tháng 10 năm 2023

## Lời cảm ơn

---

Báo cáo ***Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ vùng địa lý tích cực và không tích cực: Cập nhật đến hết tháng 7 năm 2023*** là sản phẩm của Nhóm nghiên cứu của VIFOREST, FPA Bình Định, HAWA, BIFA, DOWA và tổ chức Forest Trends. Nguồn thông tin trong Báo cáo được Nhóm tính toán dựa trên các dữ liệu thống kê xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan Việt Nam. Báo cáo tập trung vào gỗ tròn và gỗ xẻ nhập khẩu trong giai đoạn 2021 đến hết tháng 7 năm 2023.

Xin trân trọng cảm ơn lãnh đạo của các Hiệp hội gỗ nêu trên đã ủng hộ Nhóm trong quá trình soạn thảo Báo cáo này. Bộ Ngoại giao và Phát triển Vương quốc Anh (FCDO) và Cơ quan Hợp tác Phát triển Na Uy (NORAD) đã hỗ trợ một phần tài chính thông qua Forest Trends để xây dựng Báo cáo. Các nhận định trong Báo cáo là của các tác giả và không đại diện cho quan điểm của các bên liên quan khác. Nhóm nghiên cứu không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ hình thức nào sử dụng thông tin trong báo cáo này của bên thứ ba.

***Nhóm nghiên cứu***

# Mục lục

---

Lời cảm ơn.....	i
Danh mục các Hình.....	iii
Danh mục các Bảng.....	iv
Danh mục các từ viết tắt.....	iv
Tóm tắt.....	1
<b>1. Giới thiệu.....</b>	<b>2</b>
<b>2. Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu: Một số nét chính.....</b>	<b>2</b>
<b>3. Nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường tích cực.....</b>	<b>5</b>
3.1. Gỗ tròn nhập khẩu từ thị trường tích cực.....	5
3.2. Gỗ xẻ nhập khẩu từ thị trường tích cực.....	8
<b>4. Nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường không tích cực.....</b>	<b>11</b>
4.1. Gỗ tròn nhập khẩu từ thị trường không tích cực.....	11
4.2. Gỗ xẻ nhập khẩu từ thị trường không tích cực.....	15
<b>5. Một số khía cạnh cần quan tâm đối với gỗ nguyên liệu nhập khẩu.....</b>	<b>18</b>
<b>Phụ lục.....</b>	<b>21</b>

## Danh mục các hình

Hình 1: Lượng (trái) và kim ngạch (phải) nhập khẩu gỗ nguyên liệu (tròn và xẻ) của Việt Nam, 2021 – 7T/2023.....	3
Hình 2: Lượng (trái) và tỷ trọng (phải) gỗ nguyên liệu (tròn và xẻ) Việt Nam nhập khẩu phân theo nguồn cung tích cực và rủi ro, 2021 – 7T/2023.....	3
Hình 3: Số doanh nghiệp tại Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu, 2021 – 7T/2023 .....	4
Hình 4: Số doanh nghiệp nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ thị trường tích cực (trái) và thị trường rủi ro (phải), 2021 – 7T/2023 .....	4
Hình 5: Lượng (trái) và kim ngạch (phải) gỗ tròn nhập khẩu vào Việt Nam từ các thị trường tích cực, 2021 – 7T/2023 .....	5
Hình 6: Lượng gỗ tròn nhập khẩu vào Việt Nam từ 5 thị trường tích cực chính, 2021 – 7T/2023 (m <sup>3</sup> ) .....	6
Hình 7: Kim ngạch nhập khẩu gỗ tròn vào Việt Nam từ 5 thị trường tích cực chính, 2021 – 7T/2023 (USD) .....	6
Hình 8: Lượng 10 loài gỗ tròn chính nhập khẩu vào Việt Nam từ thị trường tích cực, 2021 – 7T/2023 (m <sup>3</sup> ) .....	7
Hình 9: Kim ngạch nhập khẩu 10 loài gỗ tròn chính vào Việt Nam từ thị trường tích cực, 2021 – 7T/2023 (USD).....	8
Hình 10: Lượng (trái) và kim ngạch (phải) gỗ xẻ nhập khẩu vào Việt Nam từ các thị trường tích cực, 2021 – 7T/2023 .....	8
Hình 11: Lượng gỗ xẻ nhập khẩu vào Việt Nam từ 5 thị trường tích cực chính, 2021 – 7T/2023 (m <sup>3</sup> ) .....	9
Hình 12: Kim ngạch nhập khẩu gỗ xẻ vào Việt Nam từ 5 thị trường tích cực chính, 2021 – 7T/2023 (USD) .....	9
Hình 13: Lượng 10 loài gỗ xẻ chính nhập khẩu vào Việt Nam từ thị trường tích cực, 2021 – 7T/2023 (m <sup>3</sup> ) .....	10
Hình 14: Kim ngạch nhập khẩu 10 loài gỗ xẻ chính vào Việt Nam từ thị trường tích cực, 2021 – 7T/2023 (USD).....	11
Hình 15: Số doanh nghiệp nhập khẩu gỗ tròn (trái) và gỗ xẻ (phải) từ các thị trường tích cực phân theo quy mô nhập khẩu, 2021 – 7T/2023.....	12
Hình 16: Lượng (trái) và kim ngạch (phải) gỗ tròn nhập khẩu vào Việt Nam từ các thị trường rủi ro, 2021 – 7T/2023 .....	11
Hình 17: Lượng gỗ tròn nhập khẩu vào Việt Nam từ 5 thị trường rủi ro chính, 2021 – 7T/2023 (m <sup>3</sup> ).....	13
Hình 18: Kim ngạch nhập khẩu gỗ tròn vào Việt Nam từ 5 thị trường rủi ro chính, 2021 – 7T/2023 (USD) .....	13
Hình 19: Lượng 10 loài gỗ tròn chính nhập khẩu vào Việt Nam từ các thị trường rủi ro, 2021 – 7T/2023 (m <sup>3</sup> ).....	14
Hình 20: Kim ngạch nhập khẩu 10 loài gỗ tròn chính vào Việt Nam từ các thị trường rủi ro, 2021 – 7T/2023 (USD).....	14
Hình 21: Lượng (trái) và kim ngạch (phải) gỗ xẻ nhập khẩu vào Việt Nam từ các thị trường rủi ro, 2021 – 7T/2023.....	15
Hình 22: Lượng gỗ xẻ nhập khẩu vào Việt Nam từ 5 thị trường rủi ro chính, 2021 – 7T/2023 (m <sup>3</sup> ).....	16
Hình 23: Kim ngạch nhập khẩu gỗ xẻ vào Việt Nam từ 5 thị trường rủi ro chính, 2021 – 7T/2023 (USD) .....	16
Hình 24: Lượng 10 loài gỗ xẻ chính nhập khẩu vào Việt Nam từ các thị trường rủi ro, 2021 – 7T/2023 (m <sup>3</sup> ) .....	17
Hình 25: Kim ngạch nhập khẩu 10 loài gỗ xẻ chính vào Việt Nam từ các thị trường rủi ro, 2021 – 7T/2023 (USD).....	17
Hình 26: Số doanh nghiệp nhập khẩu gỗ tròn (trái) và gỗ xẻ (phải) từ các thị trường rủi ro phân theo quy mô nhập khẩu, 2021 – 7T/2023.....	19

## Danh mục các bảng

---

Bảng 1: Số nguồn cung gỗ nguyên liệu (tròn và xẻ) cho Việt Nam phân theo thị trường tích cực và rủi ro, 2021 – 7T/2023 ..... 3

## Danh mục các từ viết tắt

---

BIFA	Hiệp hội Chế biến Gỗ Bình Dương
CHDC	Cộng hoà Dân chủ
CP	Chính phủ
DN	Doanh nghiệp
DOWA	Hiệp hội Gỗ và Thủ công Mỹ nghệ Đồng Nai
EU	Liên minh Châu Âu
FCDO	Bộ Ngoại giao và Phát triển Vương quốc Anh
FPA Bình Định	Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Bình Định
GNL	Gỗ nguyên liệu
HAWA	Hội Mỹ nghệ và Chế biến Gỗ Thành phố Hồ Chí Minh
NĐ	Nghị định
NK	Nhập khẩu
NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
NORAD	Cơ quan Hợp tác Phát triển Na Uy
PNG	Papua New Guinea
TCHQ	Tổng cục Hải quan Việt Nam
USD	Đô la Mỹ
VIFOREST	Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam
VPA	Hiệp định Đối tác Tự nguyện

# Tóm tắt

Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu (bao gồm gỗ tròn và gỗ xẻ) từ trên dưới 100 quốc gia và vùng lãnh thổ, với lượng nhập khẩu tăng đều qua từng năm, đạt hơn 6,3 triệu m<sup>3</sup> quy tròn và kim ngạch hơn 1,9 tỷ USD năm 2022. Khoảng một nửa trong số các quốc gia cung gỗ nguyên liệu cho Việt Nam nằm trong danh sách các thị trường tích cực (hay còn gọi là ít rủi ro) theo tiêu chí phân loại thị trường của Nghị định 102/2020/NĐ-CP. Phần còn lại là các quốc gia nằm ngoài danh sách này, còn gọi là thị trường không tích cực (hay rủi ro).

Nhìn chung, lượng gỗ rủi ro nhập khẩu vào Việt Nam giảm, lượng ít rủi ro tăng. Điều này phản ánh sự thay đổi mang tính chất hệ thống về nguồn nguyên liệu gỗ đầu vào của ngành với nguồn nguyên liệu an toàn hơn về mặt pháp lý thay thế cho nguồn nguyên liệu rủi ro nhập khẩu.

Tháng 3 năm 2023 Nhóm nghiên cứu của các Hiệp hội gỗ và Forest Trends công bố báo cáo cập nhật tình hình Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các vùng địa lý tích cực và rủi ro. Nội dung chi tiết của báo cáo được [đăng tải tại đây](#). Báo cáo **Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ vùng địa lý tích cực và không tích cực: Cập nhật đến hết tháng 7 năm 2023** tiếp tục cập nhật tình hình nhập khẩu gỗ từ các nguồn cung này.

Ngành gỗ chứng kiến sự suy giảm trong đầu ra xuất khẩu kể từ cuối 2022. Tình trạng này hiện chưa có dấu hiệu kết thúc. Các nguyên nhân dẫn đến các thay đổi này bao gồm các cuộc xung đột giữa Nga – Ukraina và tại Trung Đông đang diễn ra làm thay đổi chuỗi cung toàn cầu, tình trạng lạm phát kéo dài và lãi suất ngân hàng cao tại các thị trường lớn làm giảm cầu tiêu dùng tại các thị trường này. Suy giảm cầu tại các thị trường chính tác động trực tiếp tới các doanh nghiệp xuất khẩu của ngành. Tình trạng đơn hàng giảm làm hầu hết tất cả các doanh nghiệp xuất khẩu trong ngành phải giảm quy mô sản xuất, khiến cầu sử dụng gỗ nguyên liệu đầu vào giảm theo. Số liệu nhập khẩu gỗ nguyên liệu 7 tháng đầu 2023 cho thấy lượng nhập khẩu giảm mạnh, cả đối với gỗ ít rủi ro và rủi ro. Cụ thể, đối với nguồn gỗ nhập khẩu từ các vùng địa lý tích cực, lượng gỗ tròn nhập khẩu trong 7 tháng chỉ đạt dưới 50% trong tổng lượng gỗ nhập khẩu năm 2022. Lượng nhập từ Hoa Kỳ giảm mạnh nhất, với lượng nhập từ nguồn này trong 7 tháng chỉ chiếm 34% lượng nhập cùng nguồn trong cả năm 2022. Lượng gỗ xẻ từ nguồn ít rủi ro nhập khẩu giảm sâu hơn lượng gỗ tròn, với lượng nhập trong 7 tháng năm 2023 chỉ chiếm 41% so với lượng nhập năm 2022.

Tương tự như động thái giảm đối với luồng cung nhập khẩu rủi ro thấp, luồng cung nhập khẩu rủi ro cao cũng giảm mạnh. Cụ thể, lượng gỗ tròn rủi ro nhập khẩu trong 7 tháng đầu năm 2023 (7T/2023) chỉ tương đương 28% trong tổng lượng gỗ tròn rủi ro nhập khẩu trong cả năm 2022. Tương tự, lượng gỗ xẻ rủi ro nhập khẩu trong 7T/2023 chỉ tương đương 41% tổng lượng gỗ xẻ nhập khẩu từ nguồn này năm 2022.

Theo dự thảo Nghị định bổ sung, sửa đổi Nghị định 102, tiêu chí xác định vùng địa lý không tích cực sẽ mở rộng hơn. Cụ thể, khoản 2 Điều 5 của Nghị định 102 quy định về quốc gia/vùng lãnh thổ thuộc vùng địa lý không tích cực xuất khẩu gỗ vào Việt Nam không chỉ bao gồm “Quốc gia hoặc vùng lãnh thổ không đáp ứng tiêu chí quy định về quốc gia thuộc vùng địa lý tích cực” và còn bao gồm “Quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đáp ứng tiêu chí quy định về quốc gia thuộc vùng địa lý tích cực (tại khoản 1 Điều 5) nhưng có bằng chứng chứng minh có liên quan đến khai thác, buôn bán gỗ bất hợp pháp do nước thứ ba cung cấp.” Điều này có nghĩa số vùng địa lý không tích cực có thể tăng lên theo quy định mới. Điều này cũng có nghĩa danh sách các quốc gia/vùng địa lý không tích cực tiếp tục được mở rộng trong thời gian tới. Với danh sách mở rộng này, lượng gỗ nguyên liệu được coi là rủi ro nhập khẩu vào Việt Nam sẽ có thể tăng trong tương lai.

## 1. Giới thiệu

Gỗ nguyên liệu nhập khẩu, đặc biệt là gỗ tròn và gỗ xẻ, đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của ngành chế biến gỗ Việt Nam. Hàng năm Việt Nam nhập khẩu khoảng trên 6 triệu m<sup>3</sup> gỗ tròn và gỗ xẻ quy tròn, trị giá gần 2 tỷ USD (năm 2022), với hàng trăm loài gỗ từ hơn 100 quốc gia và vùng lãnh thổ. Gỗ nguyên liệu nhập khẩu đóng góp lớn trong tổng kim ngạch xuất khẩu hơn 15 tỷ USD năm 2022 và trong khoảng 4 tỷ USD tiêu thụ nội địa, do nguồn cung gỗ nguyên liệu trong nước chưa đáp ứng tốt yêu cầu về chủng loại và chất lượng của thị trường.

Hoạt động nhập khẩu gỗ nguyên liệu với sự đa dạng lớn về loài gỗ cũng như nguồn cung, cùng sự tham gia của nhiều đơn vị nhập khẩu phần lớn là quy mô nhỏ và vừa, tạo nên sự phức tạp trong quản lý và đảm bảo tính hợp pháp của gỗ nhập khẩu. Chính phủ Việt Nam đã cam kết loại bỏ gỗ bất hợp pháp ra khỏi chuỗi cung ứng. Nghị định số 102/2020/NĐ-CP quy định về hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp đã được Chính phủ ban hành vào tháng 9 năm 2020. Đây là một trong những bước đi nhằm thực hiện cam kết của Chính phủ trong khuôn khổ Hiệp định Đối tác Tự nguyện (VPA) về thực thi luật lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản (FLEGT) đã ký với Liên minh Châu Âu (EU). Kiểm soát tính hợp pháp của gỗ nguyên liệu nhập khẩu là một trong những nội dung trọng tâm của Nghị định 102. Theo Nghị định, việc kiểm soát này được dựa theo tiêu chí các vùng địa lý cung cấp gỗ cho Việt Nam (tích cực và không tích cực) và loài gỗ nhập khẩu (rủi ro và không rủi ro) nhập khẩu vào Việt Nam từ các vùng địa lý này.

Việt Nam cũng đã ký Thỏa thuận với chính phủ Hoa Kỳ về khai thác và thương mại gỗ bất hợp pháp vào tháng 10 năm 2021 (Thỏa thuận 301). Theo Thỏa thuận, Việt Nam cam kết sửa đổi, bổ sung Nghị định 102 liên quan đến tiêu chí xác định quốc gia thuộc vùng địa lý tích cực xuất khẩu gỗ vào Việt Nam để bảo đảm việc đánh giá, xác định quốc gia thuộc vùng địa lý tích cực một cách khách quan và phù hợp với thực tiễn, và bổ sung đối tượng doanh nghiệp tham gia phân loại doanh nghiệp. Hiện nay, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 102 đã được xây dựng để lấy ý kiến tham vấn và trình Chính phủ xem xét phê duyệt.

Báo cáo này cung cấp thông tin cập nhật về tình hình nhập khẩu gỗ tròn và gỗ xẻ nguyên liệu từ vùng địa lý tích cực và không tích cực của Việt Nam đến hết tháng 7 năm 2023. Báo cáo sử dụng dữ liệu nhập khẩu của Tổng cục Hải quan Việt Nam trong giai đoạn 2021 – 7T/2023. Mục tiêu của Báo cáo nhằm cung cấp thông tin đầu vào cho việc thực thi hiệu quả Nghị định 102, Thỏa thuận về kiểm soát gỗ bất hợp pháp (với Hoa Kỳ), sửa đổi, bổ sung và ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện trong tương lai.

Báo cáo gồm có 5 phần chính. Sau phần giới thiệu (Phần 1), Báo cáo cung cấp một số thông tin chung về tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu (tròn và xẻ) của Việt Nam (Phần 2). Phần 3 cung cấp thông tin về các nguồn cung tích cực, bao gồm thông tin cụ thể về nguồn cung, loài gỗ nhập khẩu và doanh nghiệp tham gia nhập khẩu gỗ vào Việt Nam. Các nguồn cung rủi ro được trình bày trong Phần 4, với các khía cạnh thông tin tương tự như trong Phần 3. Phần 5, dựa trên các thông tin trong các phần trên, thảo luận về các khía cạnh hợp pháp và bền vững trong các luồng cung nhập khẩu, và đưa ra một số kiến nghị về chính sách.

## 2. Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu: Một nét chính

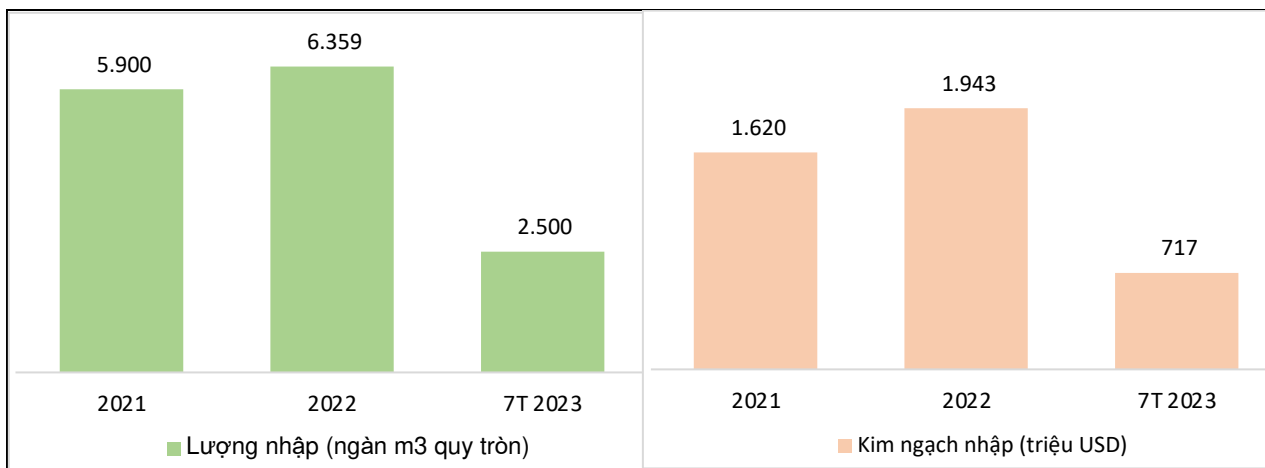
### *Lượng và kim ngạch nhập khẩu gỗ nguyên liệu*

Từ năm 2012 trở lại đây, mỗi năm Việt Nam nhập khẩu trung bình khoảng 5 triệu m<sup>3</sup> gỗ nguyên liệu (quy tròn) là gỗ tròn và gỗ xẻ. Lượng nhập có xu hướng tăng đều qua các năm. Năm 2021 và 2022, Việt Nam nhập lần lượt 5,9 và hơn 6,3 triệu m<sup>3</sup> gỗ nguyên liệu, đạt kim ngạch hơn 1,6 và hơn 1,9 tỷ USD. Lượng nhập năm 2022 cao hơn gần 8% so với năm 2021.

Bảy tháng đầu năm 2023 Việt Nam nhập khẩu 2,5 triệu m<sup>3</sup> gỗ nguyên liệu quy tròn, với kim ngạch 717 triệu USD, tương đương 39% về lượng và 37% về kim ngạch so với cả năm 2022 (Hình 1).

Việt Nam có xu hướng giảm nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ nguồn không tích cực, thường được gọi là thị trường rủi ro, trong vài năm gần đây. Năm 2021 Việt Nam nhập từ 63 thị trường rủi ro, năm 2022 giảm còn 55 thị trường. Bảy tháng đầu năm 2023 số thị trường rủi ro cung gỗ nguyên liệu cho Việt Nam là 51 thị trường (Bảng 1).

Hình 1: Lượng (trái) và kim ngạch (phải) nhập khẩu gỗ nguyên liệu (tròn và xẻ) của Việt Nam, 2021 – 7T/2023



Nguồn: Số liệu của Tổng cục Hải quan, tính toán bởi Nhóm nghiên cứu của các HH Gỗ và Forest Trends

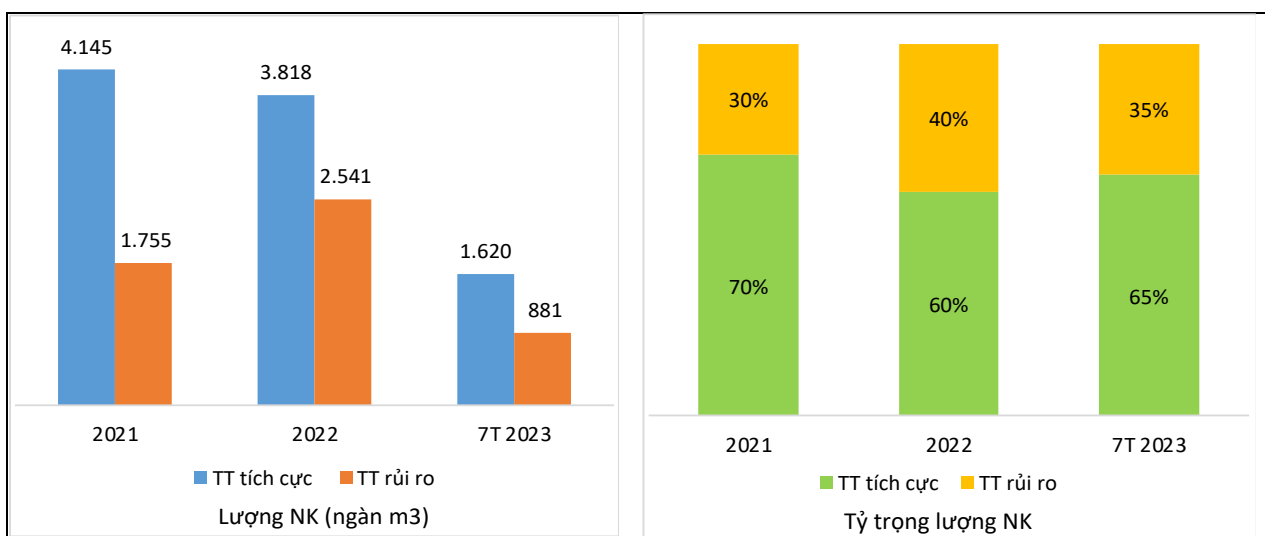
Bảng 1: Số nguồn cung gỗ nguyên liệu (tròn và xẻ) cho Việt Nam phân theo thị trường tích cực và rủi ro, 2021 – 7T/2023

Năm	Số TT tích cực	Số TT rủi ro	Tổng số TT nhập khẩu
2021	45	63	108
2022	41	55	96
7T 2023	45	51	96

Nguồn: Số liệu của Tổng cục Hải quan, tính toán bởi Nhóm nghiên cứu của các HH Gỗ và Forest Trends

Lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ thị trường tích cực luôn cao hơn từ thị trường rủi ro, với tỷ trọng từ thị trường tích cực giai đoạn 2021 – 7T/2023 chiếm từ 60 đến 70% tổng lượng nhập (Hình 2).

Hình 2: Lượng (trái) và tỷ trọng (phải) gỗ nguyên liệu (tròn và xẻ) Việt Nam nhập khẩu phân theo nguồn cung tích cực và rủi ro, 2021 – 7T/2023



Nguồn: Số liệu của Tổng cục Hải quan, tính toán bởi Nhóm nghiên cứu của các HH Gỗ và Forest Trends

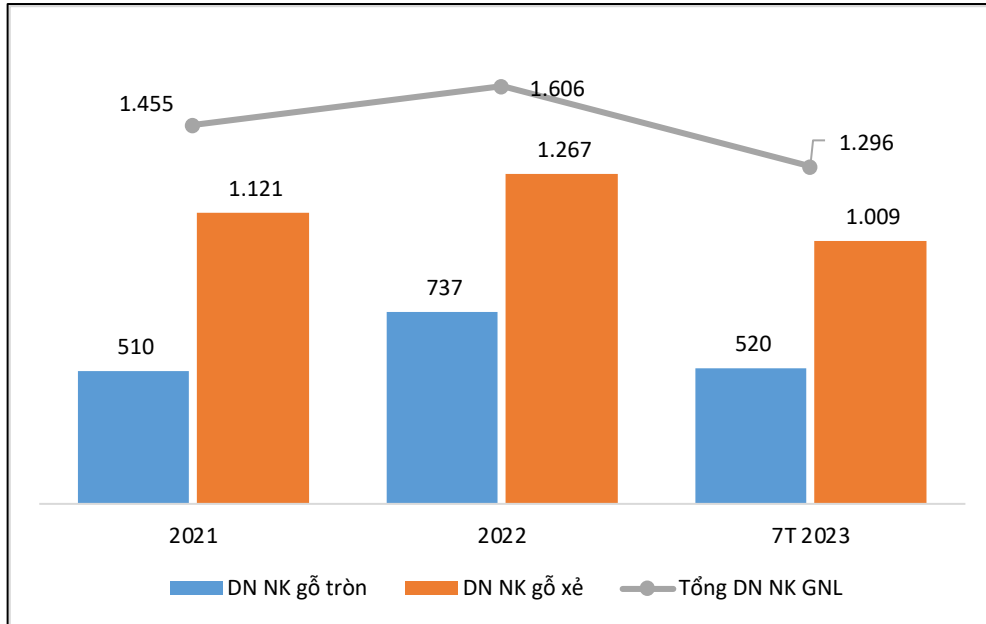


**Doanh nghiệp nhập khẩu gỗ nguyên liệu**

Số doanh nghiệp (DN) nhập khẩu gỗ nguyên liệu có xu hướng giảm đi trong 7T/2023. Trong khi năm 2021 và 2022 tổng số DN nhập khẩu là 1.455 và 1.606 DN, 7T/2023 giảm xuống chỉ còn 1.296 DN. Số DN nhập khẩu gỗ xẻ cao hơn đáng kể so với số DN nhập khẩu gỗ tròn (Hình 3).

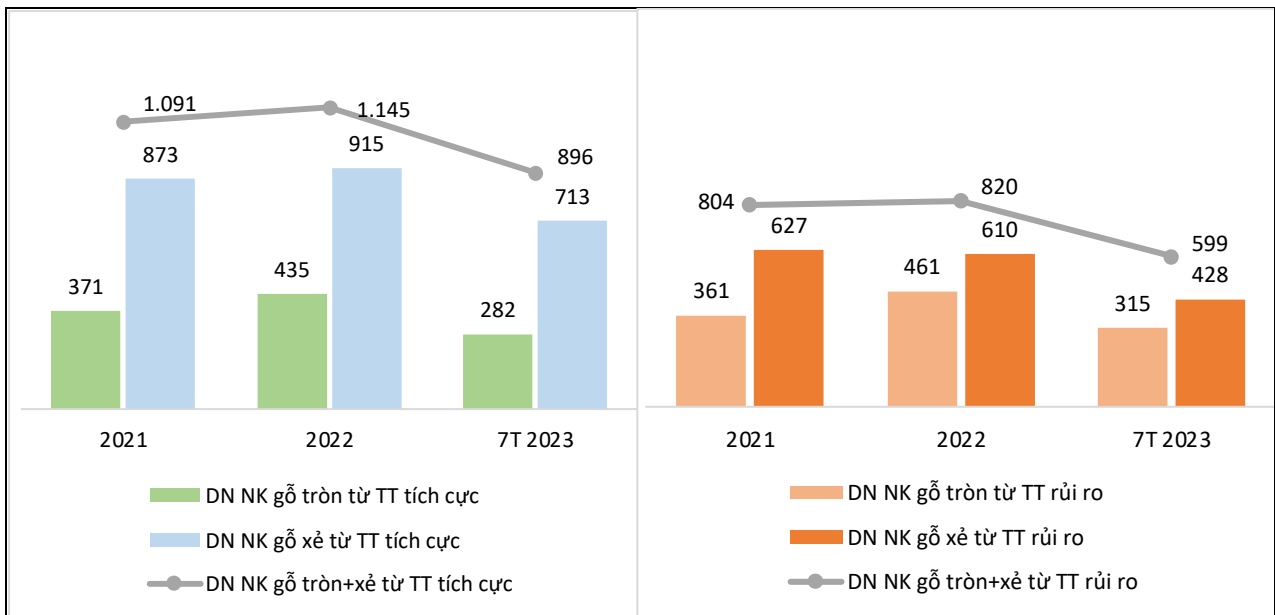
Số DN nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ thị trường tích cực cao hơn trung bình khoảng 40% so với số DN nhập khẩu gỗ từ thị trường rủi ro (Hình 4).

Hình 3: Số doanh nghiệp tại Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu, 2021 – 7T/2023



Nguồn: Số liệu của Tổng cục Hải quan, tính toán bởi Nhóm nghiên cứu của các HH Gỗ và Forest Trends

Hình 4: Số doanh nghiệp nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ thị trường tích cực (trái) và thị trường rủi ro (phải), 2021 – 7T/2023



Nguồn: Số liệu của Tổng cục Hải quan, tính toán bởi Nhóm nghiên cứu của các HH Gỗ và Forest Trends

### 3. Nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường tích cực

#### 3.1. Gỗ tròn nhập khẩu từ thị trường tích cực

##### Lượng và kim ngạch nhập khẩu

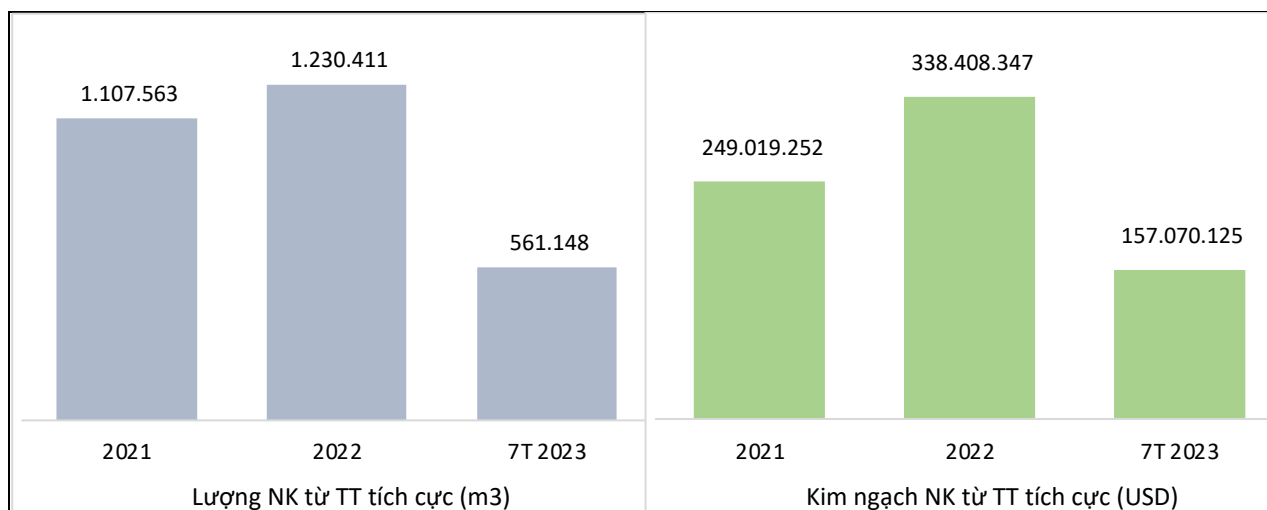
Mỗi năm Việt Nam nhập khẩu trung bình trên 1,1 triệu m<sup>3</sup> gỗ tròn từ các quốc gia thuộc vùng địa lý tích cực, kim ngạch nhập khẩu dao động trong khoảng 250 – 330 triệu USD.

Trong 7T/2023, các thị trường tích cực cung cấp hơn 561 ngàn m<sup>3</sup> gỗ tròn cho Việt Nam, với kim ngạch hơn 157 triệu USD. So với cả năm 2022, nhập khẩu gỗ tròn từ các thị trường này tương đương 45% về lượng và 46% về kim ngạch.

Năm 2021 Việt Nam nhập khẩu gỗ tròn từ 42 thị trường tích cực. Bảy tháng đầu năm 2023, 39 quốc gia tích cực đã cung gỗ tròn cho Việt Nam. Con số này lớn hơn cả năm 2022 (37 thị trường).

Hình 5 thể hiện lượng và kim ngạch nhập khẩu gỗ tròn từ các thị trường tích cực vào Việt Nam giai đoạn 2021 – 7T/2023.

Hình 5: Lượng (trái) và kim ngạch (phải) gỗ tròn nhập khẩu vào Việt Nam từ các thị trường tích cực, 2021 – 7T/2023



Nguồn: Số liệu của Tổng cục Hải quan, tính toán bởi Nhóm nghiên cứu của các HH Gỗ và Forest Trends

##### Các thị trường tích cực chính cung cấp gỗ tròn cho Việt Nam

Trong số khoảng 40 vùng địa lý tích cực cung gỗ tròn cho Việt Nam trong giai đoạn 2021 – 7T/2023, 10 quốc gia cung cấp nhiều gỗ nhất cho Việt Nam bao gồm: Hoa Kỳ, Úc, Bỉ, Pháp, Đức, Uruguay, Brazil, Hà Lan, Trung Quốc và Nam Phi (Phụ lục 1). Lượng cung gỗ tròn từ 10 thị trường này chiếm trên 80% tổng lượng gỗ từ tất cả các thị trường tích cực xuất khẩu gỗ tròn vào Việt Nam.

Thông tin cụ thể về 5 thị trường tích cực cung gỗ tròn lớn nhất cho Việt Nam trong giai đoạn 2021 – 7T/2023 như sau:

**Hoa Kỳ:** Lượng và kim ngạch nhập khẩu gỗ tròn từ thị trường này tăng mạnh năm 2022 (380 ngàn m<sup>3</sup>, 96 triệu USD) so với 2021 (207 ngàn m<sup>3</sup>, 64 triệu USD), tăng tới 83% về lượng và 50% về kim ngạch. Nhưng trong 7T/2023 thị trường này cung cấp cho Việt Nam hơn 131 ngàn m<sup>3</sup>, chỉ bằng 34% so với cả năm 2022.

**Úc:** Lượng và kim ngạch nhập khẩu gỗ tròn vào Việt Nam từ thị trường này giảm mạnh năm 2022 so với năm 2021. Cụ thể, Úc cung 195 ngàn m<sup>3</sup> năm 2021 với kim ngạch trên 22 triệu USD; năm 2022 giảm xuống còn hơn 34 ngàn m<sup>3</sup> với kim ngạch 10 triệu USD, tương đương giảm 5,6 lần về lượng và giảm 2,2 lần về kim ngạch. Số liệu này cho thấy tín hiệu nguồn cung này quay trở lại xu hướng của các năm từ 2020 trở về trước. Trong 7T/2023, lượng cung gỗ tròn từ thị trường này chỉ tương đương dưới 50% về lượng và 36% về kim